TÔN NAM KIM

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
MILL TEST CERTIFICATE

Sản phẩm/ *Commodity*:

THÉP MẠ HỢP KIM KẼM-NHÔM-MAGIE XẺ BĂNG DẠNG CUỘN
HOT-DIP ZINC-ALUMINIUM-MAGNESIUM ALLOY-COATED STEEL SLIT COIL

Tiêu chuẩn/ *Standard:* **AS 1397 - G550**

Khách hàng/ *Customer*:
CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHÚ NGUYỄN

Địa chỉ/ *Add*: **Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phường Phù Vân, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.**

Số hợp đồng/ *Contract No.*: **1600186372** Ngày cấp/ *Date of issue*: **15.10.2025**

Chứng nhận số/ *Certificate No.*: **1000016045**

STT *NO.*	MÃ SỐ CUỘN *COIL NO.*	MÃ SỐ DÒNG IN *PRINTING CODE.*	MÔ TẢ SẢN PHẨM *PRODUCT DESCRIPTION*					THÀNH PHẦN HÓA HỌC *CHEMICAL ANALYSIS (%), MAX*					TÍNH CHẤT CƠ HỌC *MECHANICAL PROPERTIES, L_0=50mm*				THỬ BẺN UỐN *BEND TEST*
			Quy cách *Dimension*	Độ mạ *Coating mass*	Khối lượng tịnh *Net weight*	Khối lượng gộp *Gross weight*	Chiều dài *Length*	C	Si	Mn	P	S	YS	TS	EL	H	
			(mm x mm)	*g/m2*	*Kg*	*Kg*	*m*	*$x10^{-2}$*	*$x10^{-2}$*	*$x10^{-2}$*	*$x10^{-3}$*	*$x10^{-3}$*	*N/mm^2*		*%*	*HRB*	
1	1004291326		0.95 x 180	ZM275	1,297	1,304	970	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
2	1004291327		0.95 x 180	ZM275	1,297	1,304	970	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
3	1004291328		0.95 x 180	ZM275	1,297	1,304	970	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
4	1004291329		0.95 x 180	ZM275	1,297	1,304	970	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
5	1004291330		0.95 x 180	ZM275	1,297	1,304	970	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
6	1004291331		0.95 x 180	ZM275	1,297	1,304	970	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
7	1004291377		0.95 x 180	ZM275	1,109	1,117	832	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
8	1004291384		0.95 x 180	ZM275	1,106	1,114	828	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
9	1004291378		0.95 x 230	ZM275	1,418	1,426	832	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
10	1004291379		0.95 x 230	ZM275	1,418	1,426	832	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
11	1004291380		0.95 x 230	ZM275	1,418	1,426	832	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
12	1004291381		0.95 x 230	ZM275	1,418	1,426	832	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
13	1004291385		0.95 x 230	ZM275	1,413	1,421	828	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
14	1004291386		0.95 x 230	ZM275	1,413	1,421	828	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
15	1004291387		0.95 x 230	ZM275	1,413	1,421	828	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
16	1004291388		0.95 x 230	ZM275	1,413	1,421	828	20	-	120	40	30	612	620	13	90	OK
17	1004291340		1.15 x 180	ZM275	1,310	1,317	812	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK
18	1004291341		1.15 x 180	ZM275	1,310	1,317	812	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK
19	1004291342		1.15 x 180	ZM275	1,310	1,317	812	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK
20	1004291343		1.15 x 180	ZM275	1,310	1,317	812	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK
21	1004291344		1.15 x 180	ZM275	1,310	1,317	812	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK
22	1004291345		1.15 x 180	ZM275	1,310	1,317	812	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK
23	1004291354		1.15 x 180	ZM275	1,095	1,102	680	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM
Lô A1, Đường Đ2, KCN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
www.tonnamkim.com

TÔN KẼM - TÔN MÀU - TÔN LẠNH
ZINMAG® - ỐNG THÉP

QUATEST3 ISO 9001 ISO 14001 VILAS 1417

CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
MILL TEST CERTIFICATE

STT *NO.*	MÃ SỐ CUỘN *COIL NO.*	MÃ SỐ DÒNG IN *PRINTING CODE.*	MÔ TẢ SẢN PHẨM *PRODUCT DESCRIPTION*					THÀNH PHẦN HÓA HỌC *CHEMICAL ANALYSIS (%), MAX*					TÍNH CHẤT CƠ HỌC *MECHANICAL PROPERTIES, L_0=50mm*				THỬ BỀN UỐN *BEND TEST*
			Quy cách *Dimension*	Độ mạ *Coating mass*	Khối lượng tịnh *Net weight*	Khối lượng gộp *Gross weight*	Chiều dài *Length*	C	Si	Mn	P	S	YS	TS	EL	H	
			(mm x mm)	*g/m2*	*Kg*	*Kg*	*m*	*$x10^{-2}$*	*$x10^{-2}$*	*$x10^{-2}$*	*$x10^{-3}$*	*$x10^{-3}$*	*N/mm^2*		*%*	*HRB*	
24	1004291364		1.15 x 180	ZM275	1,088	1,096	676	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK
25	1004291393		1.15 x 180	ZM275	1,088	1,096	678	20	-	120	40	30	585	594	13	88	OK
26	1004291355		1.15 x 230	ZM275	1,399	1,406	680	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK
27	1004291356		1.15 x 230	ZM275	1,399	1,406	680	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK
28	1004291357		1.15 x 230	ZM275	1,399	1,406	680	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK
29	1004291358		1.15 x 230	ZM275	1,399	1,406	680	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK
30	1004291365		1.15 x 230	ZM275	1,390	1,398	676	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK
31	1004291366		1.15 x 230	ZM275	1,390	1,398	676	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK
32	1004291367		1.15 x 230	ZM275	1,390	1,398	676	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK
33	1004291368		1.15 x 230	ZM275	1,390	1,398	676	20	-	120	40	30	590	603	13	89	OK
34	1004291394		1.15 x 230	ZM275	1,390	1,398	678	20	-	120	40	30	585	594	13	88	OK
35	1004291395		1.15 x 230	ZM275	1,390	1,398	678	20	-	120	40	30	585	594	13	88	OK
36	1004291396		1.15 x 230	ZM275	1,390	1,398	678	20	-	120	40	30	585	594	13	88	OK
37	1004291397		1.15 x 230	ZM275	1,390	1,398	678	20	-	120	40	30	585	594	13	88	OK
***	***	***	***	***	***	***	***	***	***	***	***	***	***	***	***	***	***
			TỔNG CỘNG *TOTAL*		**49,168**	**49,447**	**29,162**										

HOÀN THIỆN BỀ MẶT *SURFACE FINISHING*	BÔNG THƯỜNG, PHỦ ANTIFINGERPRINT,CÁN SKINPASS REGULAR SPANGLE, ANTI FINGERPRINTED,SKINPASSED
GHI CHÚ *NOTES*	L_0 = Chiều dài cữ ban đầu/ *Original gauge length*; TS = Giới hạn bền kéo/ *Tensile strength*; H = Độ cứng/ Hardness *YS* = Giới hạn chảy/ *Yield strength*; EL = Độ giãn dài/ *Elongation*

Chúng tôi xác nhận rằng sản phẩm được mô tả ở đây đã được sản xuất và kiểm tra phù hợp với yêu cầu thông số kỹ thuật tiêu chuẩn.
We hereby certify that the product described herein has been manufactured and tested with satisfactory results in accordance with the standard technique.

Phòng quản lý chất lượng
Quality Control Dep't

Đào Xuân Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM
Lô A1, Đường Đ2, KCN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
www.tonnamkim.com

TÔN KẼM - TÔN MÀU - TÔN LẠNH
ZINMAG® - ỐNG THÉP

QUATEST3 ISO 9001 ISO 14001 VILAS 1417